

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 11 (Bảo Lạc)

Phần A.III,IV. Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	39	Hoàng Long Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm
2	Lê Minh Châu	7,50	Bảy phẩy năm	40	Trịnh Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm
3	Vi Xuân Chiều	8,00	Tám	41	Mã Thị Kiều	7,75	Bảy phẩy bảy năm
4	Hoa Văn Chương	5,00	Năm	42	Bé Thị Lan	7,50	Bảy phẩy năm
5	Bé Văn Cừ	7,25	Bảy phẩy hai năm	43	Hà Thị Lệ	6,50	Sáu phẩy năm
6	Nguyễn Thị Diên	8,00	Tám	44	Hoàng Văn Lén	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Nông Văn Diệp	7,25	Bảy phẩy hai năm	45	Nông Thúy Liễu	5,50	Năm phẩy năm
8	Lục Đức Doanh	7,50	Bảy phẩy năm	46	Triệu Dùn Lụa	5,00	Năm
9	Nông Bằng Du	7,25	Bảy phẩy hai năm	47	Lục Thị Lương	5,00	Năm
10	Hoàng Lương Dũng	8,00	Tám	48	Tô Thị Luyến	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Lê Thùy Dương	7,50	Bảy phẩy năm	49	Điều Thị Mai	6,00	Sáu
12	Nông Thị Duyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	50	Tô Thị Mai	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Tô Thị Đào	8,00	Tám	51	Nguyễn Thị Mạnh	8,00	Tám
14	Nguyễn Duy Đạo	8,00	Tám	52	Hoàng Thị Minh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Hoàng Quốc Đạt	5,25	Năm phẩy hai năm	53	Đoàn Thị Mùi	7,50	Bảy phẩy năm
16	Nguyễn Thuý Diệp	8,00	Tám	54	Hoàng Thị Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Lương Văn Đồng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Ma Văn Ngoạt	5,00	Năm
18	Hoàng Quyết Được	5,00	Năm	56	Tô Thị Nguyệt	6,75	Sáu phẩy bảy năm
19	Mê Thị Hạnh		Thôi học	57	Lãnh Thị Nhâm	5,50	Năm phẩy năm
20	Đinh Thị Hậu	8,00	Tám	58	Nông Hồng Như	7,50	Bảy phẩy năm

10

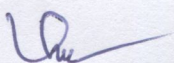
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
21	Nông Thị Hiền	6,25	Sáu phẩy hai năm	59	Tô Hồng Nhung	7,25	Bảy phẩy hai năm
22	Linh Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	60	Lý Hồng Quang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
23	Điều Thị Hiền	8,00	Tám	61	Lãnh Văn Quanh	7,00	Bảy
24	Lục Văn Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	62	Nông Phúc Sơn	7,50	Bảy phẩy năm
25	Nguyễn Thị Hiếu	7,50	Bảy phẩy năm	63	Trương Thị Thân	6,75	Sáu phẩy bảy năm
26	Lục Văn Hoan	8,00	Tám	64	Hoàng Văn Thêm	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Tô Văn Hoàng	8,00	Tám	65	Vàng Thị Thia	7,50	Bảy phẩy năm
28	Ma Văn Hội	7,75	Bảy phẩy bảy năm	66	Lưu Hồng Thúy	7,00	Bảy
29	Trịnh Thu Huệ	8,00	Tám	67	Lê Thị Thùy	7,25	Bảy phẩy hai năm
30	Nông Thị Minh Huệ	8,00	Tám	68	Nguyễn Thị Hồng Thuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
31	Hoàng Thị Kim Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	69	Triệu Quốc Trịnh	6,75	Sáu phẩy bảy năm
32	Nguyễn Thị Minh Huệ	7,25	Bảy phẩy hai năm	70	Hoàng Gia Tự	7,25	Bảy phẩy hai năm
33	Nông Thanh Hương	7,00	Bảy	71	Lục Thanh Tuyền	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Cao Thị Thanh Hương	7,00	Bảy	72	Phạm Hà Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
35	Nguyễn Thu Hương	7,25	Bảy phẩy hai năm	73	Mông Thị Hồng Vân	7,25	Bảy phẩy hai năm
36	Nguyễn Thị Hương	8,00	Tám	74	Công Thị Vê	7,00	Bảy
37	Phạm Thị Thu Hường	7,50	Bảy phẩy năm	75	Lý Thị Xoan	7,50	Bảy phẩy năm
38	Dương Thị Huyền	6,25	Sáu phẩy hai năm	76	Điều Văn Xuyên	6,25	Sáu phẩy hai năm

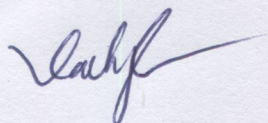
Điểm 5,00: 05 điểm; Điểm 5,25: 01 điểm; Điểm 5,50: 02 điểm; Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 03 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 05 điểm; Điểm 7,50: 15 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 14 điểm/.

GHI ĐIỂM

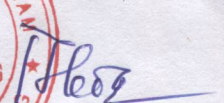
**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG









Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa